

CÂU HỎI ĐUÔI

TAG QUESTION

Câu hỏi đuôi là một phần ngữ pháp quan trọng trong tiếng Anh và cũng thường xuyên xuất hiện trong các đề thi đại học, cao đẳng. Tuy nhiên, không phải ai cũng nắm chắc cách thành lập và các trường hợp đặc biệt của câu hỏi đuôi — điểm mấu chốt giúp bạn nổi bật và khác biệt trong bài thi. Vì vậy, hãy cùng đi tìm hiểu những vấn đề cần lưu ý khi nói đến câu hỏi đuôi và trả lời bất kì câu hỏi nào liên quan đến nó một cách dễ dàng nhé.

1. Nguyên tắc chung khi lập câu hỏi đuôi:

- Nếu câu nói trước dấu phẩy là câu khẳng định, câu hỏi đuôi phải ở thể phủ định.
- Nếu câu nói trước dấu phẩy là câu phủ định, câu hỏi đuôi phải ở thể khẳng định.

2. Cấu tạo chung của câu hỏi đuôi:

Câu hỏi đuôi gồm một trợ động từ tương ứng với thì được dùng trong câu nói trước dấu phẩy, có NOT hoặc không có NOT và một đại từ nhân xưng tương ứng với chủ ngữ của câu nói trước dấu phẩy.

Ví dụ:

- She is tall, isn't she?
- He has closed the window, hasn't he?
- Your mother was born in Hanoi, wasn't she?

3. Một số trường hợp cần lưu ý:

a. Câu hỏi đuôi của "I am" là "aren't I"

Ví dụ:

I am a sophomore, aren't I?

b. Câu hỏi đuôi của "Let's" là "shall we"

Ví dụ:

Let's go camping, shall we?

c. Chủ ngữ là “Everyone, someone, anyone, no one, nobody...” câu hỏi đuôi là “they”

Ví dụ:

Somebody called my name, didn't they?

Nobody answered, did they?

d. Chủ ngữ là “nothing” thì câu hỏi đuôi dùng “it”

Ví dụ:

Nothing can prevent us from fulfilling the task, can it?

e. Trong câu có các trạng từ phủ định và bán phủ định như: never, seldom, hardly, scarcely, little... thì câu đó được xem như là câu phủ định – phần hỏi đuôi sẽ ở dạng khẳng định

Ví dụ:

- He seldom goes swimming, does he?

f. Used to: từng (diễn tả thói quen, hành động thường lặp lại trong quá khứ)

- Xem “used to” là một động từ chia ở thì quá khứ; câu hỏi đuôi mượn trợ động từ “did”.

Ví dụ:

He used to live here, didn't he?

g. Had better

- ‘Had better’ thường viết ngắn “d better”; câu hỏi đuôi mượn “had”.

Ví dụ:

He'd better apologize, hadn't he?

h. Would rather

- ‘Would rather’ thường viết ngắn “d rather”; câu hỏi đuôi mượn “would”.

Ví dụ:

She'd rather go to the doctor, wouldn't she?



Lưu ý:

1. Nếu đã biết thông tin và chỉ xác nhận lại thì xuống giọng ở phần hỏi đuôi.

2. Nếu chưa biết thông tin và hỏi để biết thì lên giọng ở phần hỏi đuôi.

3. Câu trả lời dựa vào thực tế:

"You are a student, aren't you?" / "You aren't a student, are you?" → Nếu đúng: "Yes, I am."

"You drink coffee, don't you?" / "You don't drink coffee, do you?" → Nếu không: "No, I don't."

4. "Let's ..." tương đương "Shall we ..." → hỏi đuôi: "shall we?"

Ví dụ:

Let's play soccer, shall we?

5. Câu cầu khiến (khẳng định/phủ định) → hỏi đuôi: "will you?"

Ví dụ:

Do the homework, will you? / Don't talk in class, will you?



BEYOND
ENGLISH
OPPORTUNITY

BEYOND ENGLISH, BEYOND LIMITS